



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT CORPORATION
www.itd.vn

Mã chứng khoán: ITD
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỪ NGÀY 01/04/2014 ĐẾN 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/14	01/04/14
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140)	100		347,884,954,750	355,535,135,947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	46,491,524,295	39,284,505,806
1. Tiền	111		33,129,524,295	16,336,505,806
2. Các khoản tương đương tiền	112		13,362,000,000	22,948,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	63,118,800,787	54,995,765,119
1. Đầu tư ngắn hạn	121		63,918,800,787	55,795,765,119
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-800,000,000	-800,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	98,433,734,546	132,735,619,944
1. Phải thu khách hàng	131		89,542,463,537	131,532,554,237
2. Trả trước cho người bán	132		15,195,934,094	4,434,996,482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4,298,027,020	6,462,132,472
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-10,602,690,105	-9,694,063,247
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	67,721,750,312	53,965,752,607
1. Hàng tồn kho	141		75,344,432,339	63,256,461,994
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-7,622,682,027	-9,290,709,387
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	15,025,551,781	17,459,481,172
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,077,472,698	2,844,341,471
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,822,354,057	2,416,649,714
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		681,887,061	607,329,897
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7,443,837,965	11,591,160,090
VI. Tài sản được phân loại chờ thanh lý	160		57,093,593,029	57,094,011,299
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		93,712,084,360	105,625,055,520
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.06	606,398,861	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		606,398,861	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	-
II. Tài sản cố định	220		82,392,832,427	86,975,945,684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	51,474,573,374	55,176,575,756
- Nguyên giá	222		70,530,079,141	72,054,493,508
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-19,055,505,767	-16,877,917,752
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	30,918,259,053	31,799,369,928
- Nguyên giá	228		35,974,184,876	35,943,615,525
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-5,055,925,823	-4,144,245,597
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	1,628,251,461	3,385,063,089
- Nguyên giá	241		40,099,680,166	40,035,407,440
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-38,471,428,705	-36,650,344,351
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,105,402,517	3,725,315,247
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	1,486,331,355	3,934,038,294
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	5,835,954,517	6,008,160,308

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-6,216,883,355	-6,216,883,355
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,869,966,567	9,176,391,073
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,405,857,649	4,421,024,470
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	628,829,725	1,876,461,045
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	1,835,279,193	2,878,905,558
VI. Lợi thế thương mại			2,109,232,527	2,362,340,427
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		441,597,039,110	461,160,191,467

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		186,724,321,665	210,645,375,314
I. Nợ ngắn hạn	310		180,670,531,016	160,154,113,875
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	13,214,101,604	20,612,142,812
2. Phải trả người bán	312	V.15	32,999,331,173	30,848,614,688
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	42,201,463,383	9,085,439,233
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	5,320,995,687	10,072,780,483
5. Phải trả người lao động	315		1,298,966,968	3,577,530,688
6. Chi phí phải trả	316		9,286,272,850	8,284,444,129
7. Phải trả nội bộ	317		0	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	17,135,950,782	16,344,738,957
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3,062,001,018	5,167,952,873
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,234,301,056	4,552,256,147
12. Các khoản nợ phải trả tương ứng với tài sản phân loại	329		51,917,146,495	51,608,213,865
II. Nợ dài hạn	330		6,053,790,649	50,491,261,439
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	1,465,815,200	1,465,815,200
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	0	33,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,180,774,592	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1,363,255,035	1,802,174,788
8. Doanh thu chưa thực hiện		V.18	693,731,558	12,873,057,187
9. Quỹ khoa học công nghệ			1,350,214,264	1,350,214,264
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		204,211,056,675	197,864,998,015
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	204,211,056,675	197,864,998,015
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127,711,950,000	127,711,950,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-15,680,000	-15,680,000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-29,892,620,983	-25,719,500,435
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		0	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,468,782,905	3,373,473,433
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		102,938,624,753	92,514,755,017
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			0	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			50,661,660,770	52,649,818,138
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		441,597,039,110	461,160,191,467

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		316,550,145	
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

Người lập



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



Lập ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Số 1 Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Từ 01/10 đến 31/12		Lũy kế từ 01/04 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	124,789,016,529	125,977,757,591	285,782,935,814	351,193,325,916
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20	49,170,000	92,871,087	177,234,000	165,525,317
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.20	124,739,846,529	125,884,886,504	285,605,701,814	351,027,800,599
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	83,941,264,445	97,882,797,238	206,020,419,170	271,063,331,624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40,798,582,084	28,002,089,266	79,585,282,644	79,964,468,975
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	1,595,212,200	682,445,012	4,586,494,251	4,636,095,900
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	700,161,641	1,990,220,152	3,302,723,817	13,126,730,291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		542,123,422	195,079,685	2,938,697,434	1,827,264,640
8. Chi phí bán hàng	24	VI.24	8,962,380,937	8,573,481,714	24,828,128,927	26,285,464,197
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.25	12,101,836,949	11,248,542,018	30,997,933,616	33,536,119,135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		20,629,414,757	6,872,290,394	25,042,990,535	11,652,251,252
11. Thu nhập khác	31	VI.26	1,183,924,350	(692,627,791)	2,087,652,528	5,962,833,425
12. Chi phí khác	32	VI.27	1,099,028,733	317,076,140	2,071,858,188	5,428,524,717
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		84,895,617	(1,009,703,931)	15,794,340	534,308,708
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết			-	-	-	(506,332,083)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20,714,310,374	5,862,586,463	25,058,784,875	11,680,227,877
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28	3,385,784,555	1,185,699,208	5,872,993,136	6,896,453,715
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.28	7,590,821	20,031,292	(33,053,446)	(3,997,000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17,320,934,998	4,656,855,963	19,218,845,185	4,787,771,162
HOẠT ĐỘNG KHÔNG LIÊN TỤC			-	-	(106,960,700)	-
Lỗ thuần từ hoạt động không liên tục					(106,960,700)	
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC VÀ HOẠT ĐỘNG			17,320,934,998	4,656,855,963	19,111,884,485	4,787,771,162
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			6,335,768,164	239,292,606	11,414,651,206	4,744,317,508
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			10,985,166,834	4,417,563,357	7,804,193,979	43,453,654
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.29	860	346	611	3

Người lập



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung



Lập ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2014 đến 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Lũy kế từ 01/04 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25,058,784,875	11,680,227,877
2. Điều chỉnh cho các khoản:			4,044,315,887	(5,896,056,630)
- Khấu hao tài sản cố định	02		6,619,418,867	(2,209,352,358)
- Các khoản dự phòng	03		(1,198,320,255)	1,725,632,604
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	05		(196,744,814)	(1,945,563,832)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(4,118,735,345)	1,856,971,675
- Chi phí lãi vay	07		2,938,697,434	(5,323,744,719)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29,103,100,762	5,784,171,247
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33,798,177,350	(24,435,496,590)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12,087,970,345)	26,775,436,870
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,014,707,084	(139,016,014)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		782,035,594	11,293,696,452
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,938,697,434)	(5,740,101,744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,637,429,576)	(21,758,175,873)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2,993,191,824	3,336,149,171
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		4,147,322,125	2,361,047,288
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		55,174,437,384	(2,522,289,193)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(910,678,442)	7,368,690,909
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(3,092,083,374)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47,956,629,526)	(67,386,691,608)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39,936,006,390	6,938,892,613
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		2,447,706,939	1,246,887,852
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		172,205,791	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27		1,524,743,635	(2,363,303,758)
8. Tiền chi thuần để mua công ty con	28		-	253,107,900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,878,728,587)	(53,942,416,092)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Lũy kế từ 01/04 đến 31/12	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(15,182,571,830)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		32,710,734,829	68,063,539,116
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73,108,776,037)	(58,607,325,550)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(40,398,041,208)	(5,726,358,264)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,897,667,589	(62,191,063,549)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	39,284,505,806	94,175,014,557
Tiền chi thuần cho hoạt động không liên tục	61		309,350,900	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi nđ	62		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	46,491,524,295	31,983,951,008

Người lập

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Thảo



Trương Thị Phương Dung



Lập ngày 12 tháng 2 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lâm Thiếu Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

1. Hình thức sở hữu:

- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301596604 đăng ký lần đầu vào ngày 20 tháng 01 năm 1999 và thay đổi lần thứ 24 vào ngày 18 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

- Tổng số công ty con: 09

+ Số lượng công ty con được hợp nhất: 09

- Thông tin của Công ty con được hợp nhất

01/ Công ty Cổ phần tin học Siêu Tính được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tin Học Siêu Tính theo Giấy Chứng Nhận ĐKKD số 043256 ngày 12 tháng 02 năm 1997 và hoạt động theo Giấy Chứng Nhận ĐKKD số 0301452553 ngày 12 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

+ Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 82.74%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 82.74%

02/ Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự Động Tân Tiên được chuyển đổi từ Công ty TNHH Công Nghệ Tự Động Tân Tiên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301442611 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

+ Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 57.13%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 57.13%

03/ Công ty TNHH Cơ điện Thạch Anh là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 070885 ngày 08 tháng 02 năm 1999. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Cơ Điện Thạch Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301618199 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp.

+ Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM .

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 58.70%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 58.70%

04/ Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tin Thông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304185779 ngày 15 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

+ Địa chỉ: Lầu 1 Tòa nhà TTC, Số 1 đường Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 99.92%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.92%

05/ Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu được chuyển đổi từ Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446863 ngày 12 tháng 08 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

+ Địa chỉ: Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 48%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 53.38% trong đó có khoản 5.38% là quyền biểu quyết mà Tiên Phong được các cổ đông cá nhân trong Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu ủy quyền biểu quyết.

06/ Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phần Mềm Tiên Phong. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305815769 ngày 17 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

+ Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM .

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 100%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100%

07/ Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Thạch Anh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701641938 ngày 10 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Dương cấp.

+ Địa chỉ: Số 28, đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore II, p. Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 45.93%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 75.02%

08/ Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ: 10 Phố Quang, Quận Tân Bình, Tp. HCM

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 24.48%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kê toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 51%

09/ Công ty Cổ Phần Inno. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303655453 ngày 31 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Địa chỉ: Lầu 1 Tòa nhà TTC Building, Số 1 đường Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q7, TP. HCM.

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty Mẹ: 47.98%

+ Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.96%

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Hoạt động chính của Công ty : Dịch vụ và thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Đại lý ký gửi hàng hóa, đại lý mua bán hàng hóa, môi giới thương mại.

- Bảo trì các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng, hệ thống tin học, hệ thống chống sét. Lắp đặt hệ thống cơ điện công trình, hệ thống thông gió, điều hòa cấp nhiệt, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống an ninh bảo vệ, hệ thống nâng, chuyên. THI công lắp đặt hệ thống chống ăn mòn kim loại.

- Thiết kế lắp đặt các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng, hệ thống tin học, hệ thống chống sét. thiết kế về hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, trang web, tích hợp mạng cục bộ.

- Tư vấn đầu tư phát triển và ứng dụng các công nghệ kỹ thuật cao trong công nghiệp.

- Kết nối mạng internet, lắp đặt tổng đài điện thoại.

- Mua bán thiết bị đào tạo, dạy nghề. Mua bán thiết bị dụng cụ, thiết bị và máy công nghiệp hóa chất, pin, accu và bộ nạp. Mua bán thiết bị văn phòng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm.

- Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng.

- Sản xuất và mua bán phần mềm tin học.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

5. Nhân sự:

- Tổng số công nhân viên tập đoàn: 282 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

- Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo QĐ_15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

- Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

- Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Giá vốn thực tế;
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Phương pháp lập dự phòng giảm Giá hàng tồn kho: dự phòng giảm Giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn Giá trị thuần có thể thực hiện được.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận: Nguyên Giá TSCĐ bao gồm Giá mua và chi phí có liên quan đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động.
- Phương pháp khấu hao TSCĐHH, TSCĐVH: theo phương pháp khấu hao đường thẳng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

Đối tượng	Năm sử dụng
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6 năm
Máy móc thiết bị	2 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 8 năm
Tài sản cố định khác	2 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận: bất động sản đầu tư được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu. các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư khi các chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư hiện tại.
- Phương pháp khấu hao: theo Phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Đối tượng	Năm sử dụng
Trạm thu phát sóng	5 - 6 năm

5. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Đầu tư thường : theo phương pháp giá gốc
- Các khoản đầu tư liên kết : theo phương pháp vốn chủ sở hữu
- Đầu tư công ty con: theo phương pháp hợp nhất

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho hàng hóa - dịch vụ đã sử dụng trong kỳ, hoặc được trích trước nhằm không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ:

Nguồn vốn kinh doanh của công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Đại hội đồng cổ đông và quyết định của hội đồng quản trị.

10. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng: doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng và số tiền thu về được xác định tương đối chắc chắn. Tại thời điểm ghi nhận doanh thu đơn vị đã hoàn thành việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua, đồng thời xác định được chi phí có liên quan.
- Doanh thu hoạt động tài chính: doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và xử lý chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo hướng dẫn của thông tư 201/2009/TT-BTC ban hành ngày 15/10/2009

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**V.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Tiền mặt	865,062,711	1,065,679,454
b) Tiền gửi ngân hàng	32,264,461,584	15,270,826,352
c) Tiền đang chuyển	-	-
d) Các khoản tương đương tiền	13,362,000,000	22,948,000,000
Tổng cộng	46,491,524,295	39,284,505,806

V.02 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	63,118,800,787	54,995,765,119
b) Cho vay	800,000,000	800,000,000
c) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(800,000,000)	(800,000,000)
Tổng cộng	63,118,800,787	54,995,765,119

V.03 Các khoản phải thu ngắn hạn

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Phải thu khách hàng	89,542,463,537	131,532,554,237
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong	24,787,727,915	36,785,472,098
- Công ty Cổ Phần Tin Học Siêu tính	7,704,060,332	13,589,260,905
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự động Tân Tiến	11,780,231,875	8,030,944,968
- Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	14,787,284,397	17,080,562,962
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tín Thông	1,409,619,484	2,340,400,255
- Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	17,931,932,884	22,459,460,516
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	5,078,087,535	8,549,130,060
- Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem	6,063,519,115	22,697,322,473
b) Trả trước cho người bán	15,195,934,094	4,434,996,482
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong	12,849,416,748	1,343,563,607
- Công ty Cổ Phần Tin Học Siêu tính	44,462,236	210,562,236
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự động Tân Tiến	377,284,841	472,329,279
- Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	937,230,336	821,483,316

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tín Thông	13,041,600	407,537,471
- Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	330,019,957	906,667,293
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	203,783,108	84,012,162
- Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem	440,695,268	188,841,118
- Công ty CP Thiết Bị Điện Thạch Anh		-
c) Các khoản phải thu khác	4,298,027,020	6,462,132,472
- Phải thu khác	4,298,027,020	6,462,132,472
d) Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(10,602,690,105)	(9,694,063,247)
Tổng cộng	98,433,734,546	132,735,619,944

V.04 Hàng tồn kho

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Hàng mua đang đi trên đường	-	44,147,201
b) Nguyên liệu, vật liệu	2,140,150,372	2,206,835,642
c) Công cụ, dụng cụ	-	38,011,854
d) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44,152,942,476	29,937,023,564
e) Thành phẩm	-	400,920,066
f) Hàng hóa	29,042,346,906	30,629,523,667
g) Hàng gửi đi bán	8,992,585	-
h) Dự phòng giảm giá HTK	(7,622,682,027)	(9,290,709,387)
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	67,721,750,312	53,965,752,607

V.05 Tài sản ngắn hạn khác

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3,077,472,698	2,844,341,471
b) Thuế GTGT được khấu trừ	3,822,354,057	2,416,649,714
c) Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	681,887,061	607,329,897
d) Tài sản ngắn hạn khác	7,443,837,965	11,591,160,090
Tổng cộng	15,025,551,781	17,459,481,172

V.06 Phải thu dài hạn

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
- Phải thu dài hạn khác	606,398,861	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
Tổng cộng	606,398,861	-

V.07 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐHH						
- Tại 01/04/2014	42,612,187,973	19,605,380,182	6,215,574,392	3,608,320,481	13,030,480	72,054,493,508
+ Mua trong năm	-	31,600,000	726,728,637	-	-	758,328,637
+ Tăng khác	-	-	-	12,580,053	44,927,675	57,507,728
+ Thanh lý, nhượng BÁ	-	-	(1,895,936,170)	(444,314,562)	-	(2,340,250,732)
- Tại 31/12/2014	42,612,187,973	19,636,980,182	5,046,366,859	3,176,585,972	57,958,155	70,530,079,141
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Tại 01/04/2014	3,719,089,710	7,323,109,112	3,424,191,431	2,398,497,019	13,030,480	16,877,917,752
+ Khấu hao	1,143,834,525	1,614,852,720	606,140,564	222,572,946	-	3,587,400,755
+ Tăng khác	-	-	1,217,957	-	44,927,675	46,145,632
+ Thanh lý, nhượng BÁ	-	-	(1,339,557,621)	(116,400,751)	-	(1,455,958,372)
- Tại 31/12/2014	4,862,924,235	8,937,961,832	2,691,992,331	2,504,669,214	57,958,155	19,055,505,767
Giá trị còn lại của TSCĐHH						
- Tại 01/04/2014	38,893,098,263	12,282,271,070	2,791,382,961	1,209,823,462	-	55,176,575,756
- Tại 31/12/2014	37,749,263,738	10,699,018,350	2,354,374,528	671,916,758	-	51,474,573,374

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

V.08 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐVH						
- Tại 01/04/2014	-	35,326,029,245	-	617,586,280	-	35,943,615,525
+ Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	30,569,351	30,569,351
- Tại 31/12/2014	-	35,326,029,245	-	617,586,280	30,569,351	35,974,184,876
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Tại 01/04/2014	-	3,596,351,752	-	547,893,845	-	4,144,245,597
+ Khấu hao trong năm	-	857,561,876	-	-	54,118,350	911,680,226
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-
- Tại 31/12/2014	-	4,453,913,628	-	547,893,845	54,118,350	5,055,925,823
Giá trị còn lại						
- Tại 01/04/2014	-	31,729,677,493	-	69,692,435	-	31,799,369,928
- Tại 31/12/2014	-	30,872,115,617	-	69,692,435	(23,548,999)	30,918,259,053

- Thuyết minh và giải trình khác:

V.09 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
- Chi phí xây dựng trạm ghép	-	-
Tổng cộng	-	-

V.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	31/12/14	01/04/14
Nguyên giá bất động sản đầu tư (*)	40,099,680,166	40,035,407,440
Giá trị hao mòn lũy kế	(38,471,428,705)	(36,650,344,351)
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	1,628,251,461	3,385,063,089

(*) Trạm thu phát sóng

V.11 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
Công ty Cổ phần Công Nghệ Thiên Vận	-	2,447,706,939
Công ty Cổ Phần Định Vị Tiên Phong	1,486,331,355	1,486,331,355
Công ty Cổ Phần Thái Sơn Tiên Phong	-	1,800,000,000
Đầu tư dài hạn khác	5,835,954,517	4,208,160,308
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6,216,883,355)	(6,216,883,355)
Tổng cộng	1,105,402,517	3,725,315,247

V.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm	628,829,725	1,876,461,045
- Lãi chưa thực hiện của hàng tồn kho	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	628,829,725	1,876,461,045

V.13 Tài sản dài hạn khác

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
Chi phí trả trước dài hạn	3,405,857,649	4,421,024,470
Tài sản dài hạn khác	1,835,279,193	2,878,905,558
Tổng cộng	5,241,136,842	7,299,930,028

V.14 Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Vay ngắn hạn ngân hàng (a)	11,951,655,672	9,204,758,447
b) Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (b)	1,262,445,932	9,407,384,365
c) Nợ dài hạn đến hạn trả	-	2,000,000,000
Tổng cộng	13,214,101,604	20,612,142,812

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

(a) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng cổ phiếu, tiền gửi có kỳ hạn. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 8% đến 8.5% một năm

(b) Vay ngắn hạn các cá nhân không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 0% đến 12% một năm.

V.15 Phải trả cho người bán & Người mua trả tiền trước

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Phải trả cho người bán	32,999,331,173	30,848,614,688
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong	4,101,348,462	12,745,235,281
- Công ty Cổ Phần Tin Học Siêu tính	4,616,794,332	5,870,050,419
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự động Tân Tiến	3,346,527,349	1,099,179,754
- Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	1,414,444,535	2,496,371,480
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tín Thông	768,558,931	1,014,673,342
- Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	3,012,146,043	12,253,159,460
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	2,969,878,721	(8,280,520,125)
- Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem	12,769,632,800	3,650,465,077
b) Người mua trả tiền trước	42,201,463,383	9,085,439,233
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tiên Phong	32,377,368,208	1,147,453,202
- Công ty Cổ Phần Tin Học Siêu tính	397,422,102	427,136,652
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tự động Tân Tiến	3,869,007,353	501,448,358
- Công ty CP Cơ Điện Thạch Anh	55,000,000	1,167,699,675
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Tín Thông	704,360,718	2,310,108,709
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	4,640,721,648	1,987,790,703
- Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	24,354,000	38,722,200
- Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem	133,229,354	1,505,079,734
Tổng cộng	75,200,794,556	39,934,053,921

V.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
+ Thuế GTGT	1,185,023,666	3,641,196,855
+ Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	7,290
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,855,147,973	5,875,512,134
+ Thuế thu nhập cá nhân	275,831,989	548,059,276
+ Thuế nhà thầu	-	7,924,928
+ Các loại thuế khác	4,992,059	80,000
Tổng cộng	5,320,995,687	10,072,780,483

- Các khoản thuế phải nộp trên báo cáo tài chính là số thuế tạm tính theo số liệu kế toán.

- Chênh lệch (nếu có) giữa số thuế phải nộp theo sổ sách kế toán và quyết toán thuế sẽ được điều chỉnh khi có kết quả kiểm tra của cơ quan thuế.

V.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
+ Tài sản thừa chờ xử lý	289,752	3,502,494
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	6,935,037	170,907,280
+ Cổ tức phải trả	3,522,986,500	7,176,380,900
+ Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	154,300,333
+ Phải trả khác cho cá nhân	8,762,155,000	7,075,750,000
+ Phải trả khác cho công ty liên kết	4,212,669,283	607,161,707
+ Tiền thuê đất từ bên liên quan	-	77,783,000
+ Tiền phạt chậm nộp thuế	-	-
+ Thuế nhà thầu	-	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	630,915,210	1,078,953,243
Tổng cộng	17,135,950,782	16,344,738,957

V.18 Vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

Đối tượng	31/12/14	01/04/14
a) Vay dài hạn	-	33,000,000,000
- Vay ngân hàng		33,000,000,000
- Vay đối tượng khác		-
b) Doanh thu chưa thực hiện	693,731,558	12,873,057,187
b) Phải trả dài hạn khác	1,465,815,200	1,465,815,200
Tổng cộng	2,159,546,758	47,338,872,387

V.19 Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/04/2014	127,711,950,000	(15,680,000)	3,373,473,433	(25,719,500,435)	92,514,755,017	197,864,998,015
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	7,697,233,279	7,697,233,279
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	255,861,819	-	(1,066,794,204)	(810,932,385)
Các khoản truy thu, nộp t	-	-	(253,471,340)	-	-	(253,471,340)
Các điều chỉnh do hợp nh	-	-	92,918,993	-	3,793,430,661	3,886,349,654
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản cho bộ phận hoạt động không liên tục	-	-	-	(4,173,120,548)	-	(4,173,120,548)
Số dư 30/09/2014	127,711,950,000	(15,680,000)	3,468,782,905	(29,892,620,983)	102,938,624,753	204,211,056,675

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty

	31/12/14		01/04/14	
	Số lượng CP	VND	Số lượng CP	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	12,771,195	127,711,950,000	12,771,195	127,711,950,000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12,771,195	127,711,950,000	12,771,195	127,711,950,000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1,568)	(15,680,000)	(1,568)	(15,680,000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12,769,627	127,696,270,000	12,769,627	127,696,270,000

Tất cả cổ phiếu đều mệnh giá là 10.000 VNĐ

V.20 Lợi nhuận chưa phân phối

Đối tượng	31/12/14	31/03/14
a) Tổng LNCP trước điều chỉnh	8,616,340,057	440,475,937
b) Điều chỉnh do hợp nhất	94,322,284,696	92,074,279,080
- Lợi thế thương mại	27,622,842,046	22,361,121,417
- Dự phòng (đầu tư, lãi vay, nợ vay)	63,573,030,181	63,573,030,181
+ Dự phòng đầu tư vào RTC	2,539,000,000	2,539,000,000
+ Dự phòng phải thu khó đòi QEC (cho mượn)	13,360,425,594	13,360,425,594
+ Dự phòng cho vay/mượn ngắn hạn vào QEC	14,644,604,587	14,644,604,587
+ Dự phòng đầu tư vào QMC, QEC	33,029,000,000	33,029,000,000
- LNCP cho Lợi ích cổ đông thiểu số	3,784,881,717	6,748,323,349
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	(457,512,937)
- ITD Building	(658,469,248)	(459,106,677)
- Điều chỉnh do hợp nhất các giao dịch nội bộ khác trong kỳ	-	308,423,747
Tổng cộng	102,938,624,753	92,514,755,017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VI.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	285,782,935,814	351,193,325,916
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	325,386,544,269	388,653,666,558
+ Điều chỉnh giảm doanh thu nội bộ	(39,603,608,455)	(37,460,340,642)
Các khoản giảm trừ doanh thu	(177,234,000)	(165,525,317)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285,605,701,814	351,027,800,599

VI.22 Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Doanh thu hoạt động tài chính	11,178,307,089	31,863,828,866
+ Điều chỉnh giảm doanh thu tài chính nội bộ	(6,591,812,838)	(27,227,732,966)
Tổng cộng	4,586,494,251	4,636,095,900

VI.23 Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán	238,409,150,760	299,539,280,483
+ Điều chỉnh giảm giá vốn nội bộ	(32,388,731,590)	(28,475,948,859)
Tổng cộng	206,020,419,170	271,063,331,624

VI.24 Chi phí tài chính

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Chi phí tài chính	3,854,948,920	19,051,784,443
+ Điều chỉnh giảm chi phí tài chính nội bộ	(552,225,103)	(5,925,054,152)
Tổng cộng	3,302,723,817	13,126,730,291

VI.25 Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Chi phí bán hàng	27,011,699,049	28,903,961,663
+ Điều chỉnh giảm chi phí bán hàng nội bộ	(2,183,570,122)	(2,618,497,466)
Tổng cộng	24,828,128,927	26,285,464,197

VI.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	36,018,902,068	44,675,119,908
+ Điều chỉnh giảm chi phí quản lý nội bộ	(5,020,968,452)	(11,139,000,773)
Tổng cộng	30,997,933,616	33,536,119,135

VI.27 Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Thu nhập khác	2,103,219,862	6,586,921,195
+ Điều chỉnh giảm thu nhập khác nội bộ	(15,567,334)	(624,087,770)
Tổng cộng	2,087,652,528	5,962,833,425

VI.28 Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
+ Chi phí khác	2,072,580,948	6,027,476,486
+ Điều chỉnh giảm chi phí khác nội bộ	(722,760)	(598,951,769)
Tổng cộng	2,071,858,188	5,428,524,717

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

VI.29 Thuế thu nhập doanh nghiệpThuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN (TNDN) với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,872,993,136	6,896,453,715
Kỳ hiện hành	5,872,993,136	6,896,453,715
Dự phòng thừa từ các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(33,053,446)	(3,997,000)
Các khoản chênh lệch tạm thời	(33,053,446)	(3,997,000)
Tổng cộng	5,839,939,690	6,892,456,715

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế

VI.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ 09 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014 và kết thúc ngày 31/12/2014 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông là 7.804.193.979 VNĐ (từ 01/04/2013 đến 31/12/2013 là 43.453.654 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 12.769.627 cổ phiếu (từ 01/04/2013 đến 31/12/2013 là 12.769.627 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

Đối tượng	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
Lãi thuần phân phối cho cổ đông	7,804,193,979	43,453,654
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ/năm	12,771,195	12,771,195
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	(1,568)	(1,568)
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm	12,769,627	12,769,627
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	611	3

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ/năm như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/04/2013 đến 30/09/2013
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1,324,872,273	1,258,651,848

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ/năm như sau

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Từ 01/04/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/04/2013 đến 31/12/2013
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con	Góp vốn	-	-
		Nhận cổ tức	943,144,800	3,554,930,400
		Phí nhượng quyền	450,269,307	576,721,444
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,159,308,303	1,342,745,726
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(17,994,680)	(11,217,134,949)
		Lãi vay	-	19,408,219
		Vay ngắn hạn	-	(2,000,000,000)
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh	Công ty con	Trả tiền vay	-	2,000,000,000
		Nhận cổ tức	819,388,000	2,048,470,000
		Phí nhượng quyền	599,648,352	508,875,251

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

		Mua hàng hóa, dịch vụ	(23,889,800)	(20,374,960)
		Bán hàng và cung cấp dịch	994,902,680	832,274,865
		Lãi vay	-	5,805,556
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Cho vay	(1,000,000,000)	2,000,000,000
		Thu nợ gốc	5,529,030,500	2,000,000,000
		Thu nhập lãi	95,315,338	18,122,222
		Bán hàng và cung cấp dịch	395,866,208	1,128,900,719
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(45,870,510)	(1,797,722,568)
		Góp vốn	903,693,600	
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty con	Góp vốn	672,955,055	487,469,500
		Bán hàng và	374,363,107	613,277,290
		Mua hàng, dịch	(14,053,600)	(620,701,287)
		Vay	2,000,000,000	(1,000,000,000)
		Lãi vay	(51,778,800)	1,986,111
		Trả nợ gốc	(400,000,000)	
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Góp vốn		10,100,000,000
		Phí nhượng quyền	66,954,797	-
		Bán hàng và cung cấp dịch	1,216,660,520	3,546,312,502
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(17,422,195,594)	(9,978,998,752)
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con	Góp vốn		4,595,102,330
		Nhận cổ tức	4,405,749,000	20,646,245,000
		Vay	8,550,000,000	3,000,000,000
		Trả tiền vay	(2,370,000,000)	(12,460,000,000)
		Lãi vay	(59,192,044)	(469,358,000)
		Phí nhượng quyền	881,747,000	923,845,000
		Mua hàng, dịch vụ	(201,603,528)	(211,055,300)
		Bán hàng và cung cấp dịch	1,569,169,220	1,685,193,828
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch	463,088,062	423,327,373
		Cho vay		800,000,000
		Nhận tiền cho		800,000,000
		Thu nhập lãi		5,810,000

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31/12/14	01/04/14
Các khoản phải thu				
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải thu TM	241,929,727	459,392,152
		Phải thu phi TM	57,579,382	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải thu TM	619,124,348	686,996,038
		Phải thu phi TM	127,429,376	75,038,915
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải thu TM	35,615,073	522,718,526
		Phải thu phi TM	6,109,420,000	11,055,401,847
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải thu TM	43,569,152	101,504,335

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

		Phải thu phi TM	400,000	
Công ty TNHH một thành viên Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Phải thu TM	62,285,200	248,896,578
		Phải thu phi TM	9,940,500,000	6,000,000,000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải thu TM	501,127,869	509,428,426
		Phải thu phi TM	187,098,000	283,987,600
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	Công ty liên	Phải thu TM	211,161,685	211,161,685
		Phải thu phi TM	689,951,500	689,951,500
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu TM	94,787,581	414,787,581
		Phải thu phi TM	894,535,000	894,535,000
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Bên liên quan	Phải thu TM	82,437,805	153,582,671
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu TM		-
		Phải thu phi TM	25,340,883,477	25,340,883,477

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31/12/14	01/04/14
Các khoản phải trả				
Công ty CP công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải trả TM	(561,794,332)	(1,847,059,281)
		Phải trả phi TM	(236,318,500)	(259,548,050)
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải trả TM		(15,224,000)
		Phải trả phi TM	(135,237,360)	(136,020,000)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải trả TM	(106,639,319)	(93,381,569)
		Phải trả phi TM	(165,241,240)	(173,042,136)
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải trả TM	(1,531,200)	-
		Phải trả phi TM	(2,889,554,064)	(1,232,822,444)
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Phải trả TM	(9,289,069,252)	(9,497,225,650)
		Phải trả phi TM	-	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải trả TM	(134,361,300)	(746,667)
		Phải trả phi TM	(344,173,238)	(714,808,625)
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	Bên liên quan	Phải trả phi TM	(84,967,785)	(84,967,785)

4. CƠ CẤU DOANH THU, LÃI GỘP THEO LĨNH VỰC KINH DOANH ĐẾN NGÀY 31/12/2014

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Điện - Điện tử	69,918,936,726	44,282,491,552	25,636,445,174
Viễn thông - Tin học	99,472,963,505	79,077,111,571	20,395,851,934
Điện - Điện công nghiệp	64,233,280,371	46,757,328,408	17,475,951,963
Hạ tầng - Giao thông	51,980,521,212	35,903,487,639	16,077,033,573
Tổng cộng	285,605,701,814	206,020,419,170	79,585,282,644

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trên Báo cáo tài chính của các kỳ kế toán trước)
- Thông tin về hoạt động liên tục
- Những thông tin khác
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013	Chênh lệch	So sánh
Doanh thu thuần	124,739,846,529	125,884,886,504	(1,145,039,975)	-1%
Giá vốn hàng bán	83,941,264,445	97,882,797,238	(13,941,532,793)	-14%
Lợi nhuận gộp	40,798,582,084	28,002,089,266	12,796,492,818	46%
Doanh thu hoạt động tài chính	1,595,212,200	682,445,012	912,767,188	134%
Chi phí tài chính	700,161,641	1,990,220,152	(1,290,058,511)	-65%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	895,050,559	(1,307,775,140)	2,202,825,699	168%
Chi phí bán hàng	8,962,380,937	8,573,481,714	388,899,223	5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,101,836,949	11,248,542,018	853,294,931	8%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2014 đến ngày 31/12/2014

Thu nhập khác	1,183,924,350	(692,627,791)	1,876,552,141	271%
Chi phí khác	1,099,028,733	317,076,140	781,952,593	247%
Lợi nhuận khác	84,895,617	(1,009,703,931)	1,094,599,548	108%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	17,320,934,998	4,656,855,963	12,664,079,035	272%

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 272% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do hoạt động kinh doanh các công ty tăng dẫn đến lợi nhuận gộp hợp nhất tăng.

Người lập

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung



Lập ngày 12 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lâm Thiệu Quân